

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2022/KDTM-ST  
Ngày: 03 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Trọng Thái

2/ Bà Trần Thị Ngọc Lược

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 708/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Trụ sở: 130 Đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần N, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: 33/3E đường Q, Phường T, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Quyết định về việc ủy quyền số: 556/QĐ-DAB-PC ngày 23 tháng 4 năm 2020).

Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 489/29/33 Đường H, Phường K, quận Nn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Nguyễn A, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 489/29/33 Đường H, Phường K, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2020 của nguyên đơn Ngân hàng B, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị H và ông Trần N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/3/2016, Ngân hàng B và bà Trần Thị V có ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ. Tổng hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000 đồng, đợt vay số 0117992701T16009 ngày 28/4/2016, số tiền vay: 20.000.000 đồng, lãi suất: 09%/năm (0,75%/tháng), thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay: buôn bán tạp hóa. Trong quá trình vay, bà Trần Thị V chỉ trả được tổng số tiền là 5.460.000 đồng (gốc là 4.698.462 đồng và lãi trong hạn là 761.538 đồng). Lần trả cuối cùng vào ngày 01/8/2016, từ đó đến nay bà Trần Thị V không tiếp tục thanh toán. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị V còn nợ 28.011.880 đồng, trong đó:

Vốn: 15.301.538 đồng;

Lãi trong hạn: 1.038.462 đồng;

Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/6/2022: 11.671.880 đồng;

Theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/3/2016 ông Trương Nguyễn A cam kết bảo lãnh với Ngân hàng B. Nội dung phần cam kết của ông Trương Nguyễn A, trong trường hợp bà Trần Thị V không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng B thì ông Trương Nguyễn A sẽ trả nợ thay cho bà Trần Thị V cho đến khi hết nợ vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Nguyễn A sẽ thực hiện nghĩa vụ trên thay cho bà Trần Thị V nếu khi đến thời hạn mà bà Trần Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với Ngân hàng B.

Nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trần Thị V thanh toán 28.011.880 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bà Trần Thị V thực trả hết nợ cho Ngân hàng B.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Đại diện nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn bà Trần Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Nguyễn A vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Trần Thị V cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/3/2016 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng B và bà Trần Thị V. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Ngân hàng B và bà Trần Thị V trong hoạt động kinh doanh và điều có mục đích lợi nhuận do đó có cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Trần Thị V và ông Trương Nguyễn A vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn bà Trần Thị V và ông Trương Nguyễn A vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà Trần Thị V và ông Trương Nguyễn A đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Nguyễn A.

[4] Về nội dung tranh chấp:

*Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 15.301.538 đồng.*

Ngân hàng B giải ngân toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) một lần sau khi ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ theo phương thức chuyển toàn bộ số tiền vay qua tài khoản thẻ số 0108695042 mở tại Ngân hàng B theo Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 28/4/2016.

Nội dung Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn vi phạm các quy định trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 15.301.538 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn 1.038.462 đồng, lãi quá hạn 11.671.880 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 28/4/2017 Ngân hàng BCB đã chuyển toàn bộ số vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/3/2016, tại Phần III cam kết của người vay được ký giữa Ngân hàng B và bà Trần Thị V, việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trương Nguyễn A sẽ thực hiện nghĩa vụ trên thay cho bà Trần Thị V nếu khi đến thời hạn mà bà Trần Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với Ngân hàng B.*

Căn cứ vào các Điều 361, 362 và 363 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

**Điều 361. Bảo lãnh**

*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Các bên cũng có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.*

**Điều 362. Hình thức bảo lãnh**

*Việc bảo lãnh phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực.*

**Điều 363. Phạm vi bảo lãnh**

*Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh.*

*Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trương Nguyễn A sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bà Trần Thị V nếu khi đến thời hạn mà bà Vân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 362, 363 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B.*

Buộc bà Trần Thị V phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.011.880 (hai mươi tám triệu không trăm mười một nghìn tám trăm tám mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 15.301.538 (mười lăm triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng, lãi trong hạn là 1.038.462 (một triệu không trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn là 11.671.880 (mười một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn tám trăm tám mươi đồng) theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/3/2016 giữa Ngân hàng B và bà Trần Thị V.

Buộc ông Trương Nguyễn A sẽ thực hiện nghĩa vụ trên thay cho bà Trần Thị V nếu khi đến thời hạn mà bà Vân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với Ngân hàng B.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*2. Về án phí:*

- Bà Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.400.594 (một triệu bốn trăm nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng).

- Ngân hàng B không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền 591.000 (năm trăm chín mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số 0019261 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/3/2016 giữa Ngân hàng B và bà Trần Thị V.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*4. Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Quỳnh**